CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng CTCP Địa ốc Sài Gòn

Ngày 31/12/2025	18,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.7%	**-9.0%**	**-**

DT thuần
Q4/25
36.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.8| 84.9%
YoY: ▲ 3.00| 9.0%

LN thuần
Q4/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.1| -53.8%
YoY: ▲ 25.5| 190%

LN sau thuế
Q4/25
12.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00| -19.2%
YoY: ▼52.4| -80.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
65.7%
YoY: +/-▼ 9.8%

ROE
2025
7.8%
YoY: +/-▲ 1.5%

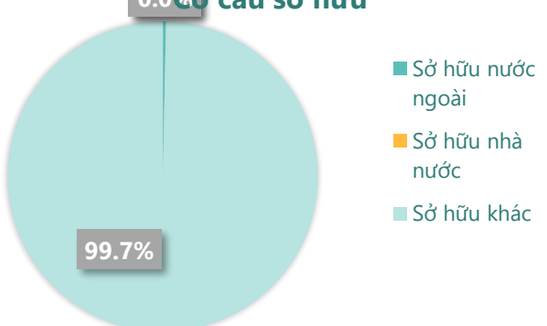
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,400 - 40,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,300
Số lượng CPLH (CP)	69,874,989
KLGD BQ 20 phiên (CP)	246,220
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.88
EPS	1,351
P/E	13.8

DT thuần
2025
219
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 68.0| 44.3%

LN thuần
2025
120
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 124| 2914%

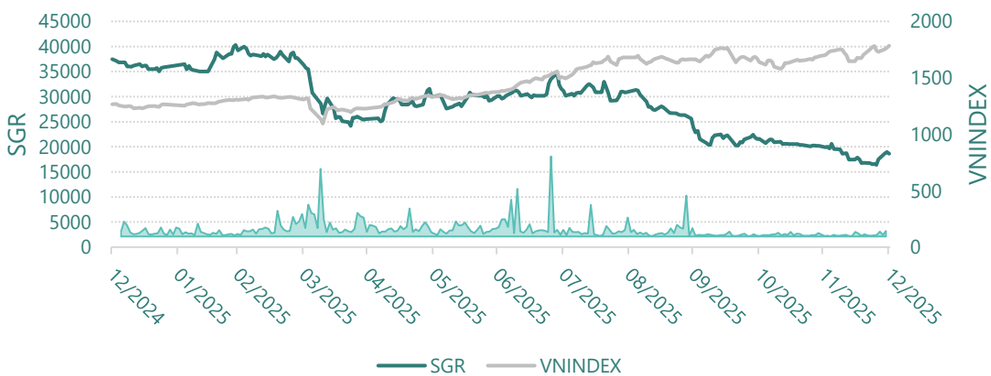
LN sau thuế
2025
95.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.8| 59.5%

Cơ cấu sở hữu

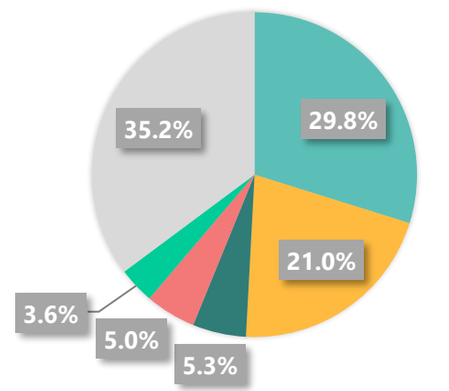


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

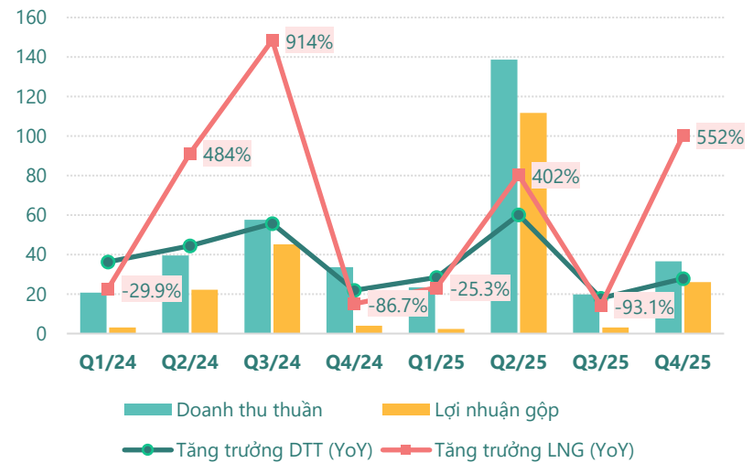


- Phạm Thu (Chủ tịch HĐQT)
- Công ty TNHH Bất động sản REE
- Phạm Đình Thành (Thành viên HĐQT)
- Phạm Tuấn (Thành viên HĐQT)
- Trần Thị Ga (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

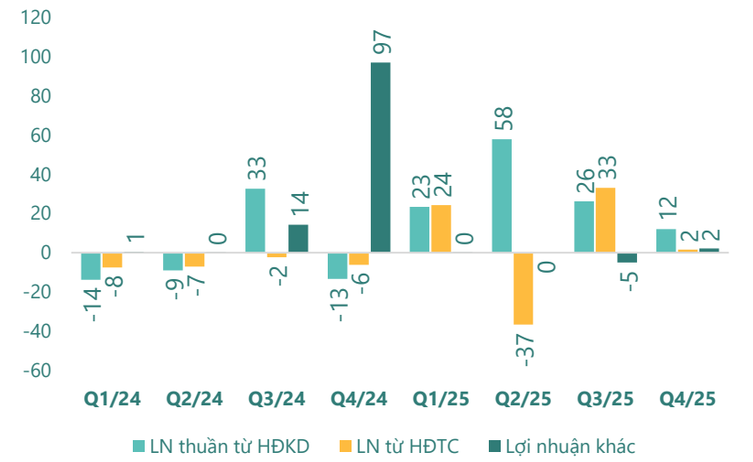
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



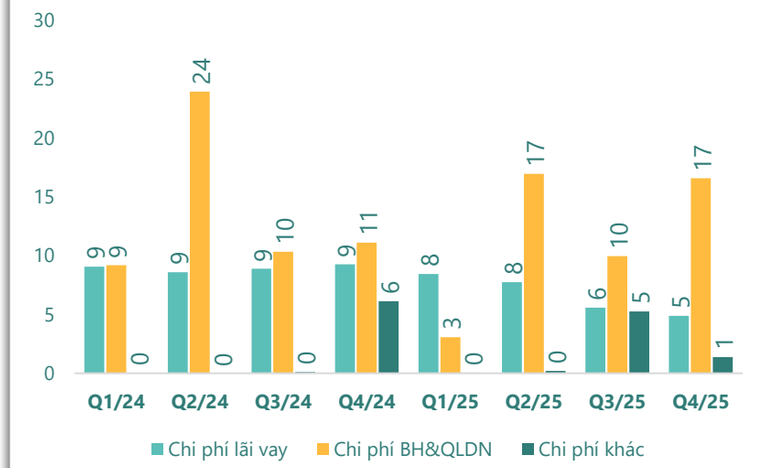
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



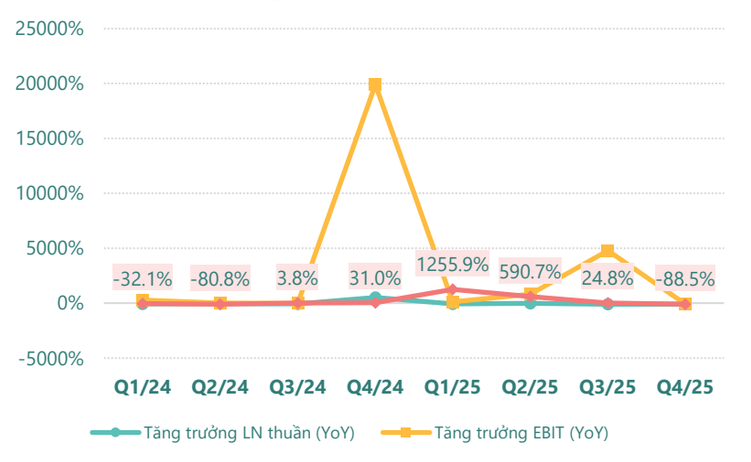
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



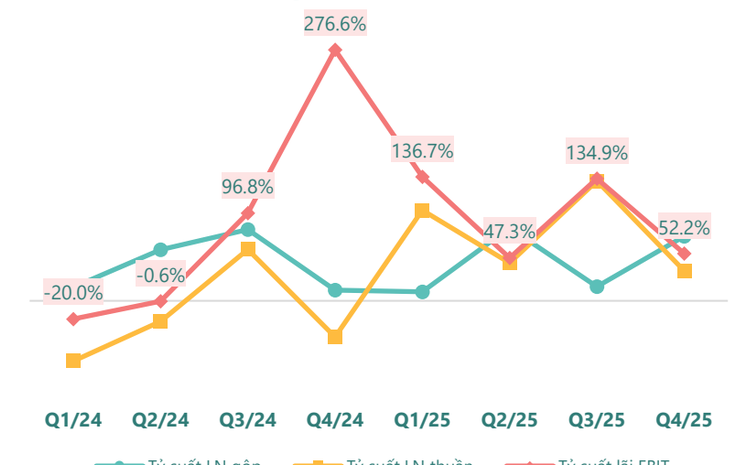
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



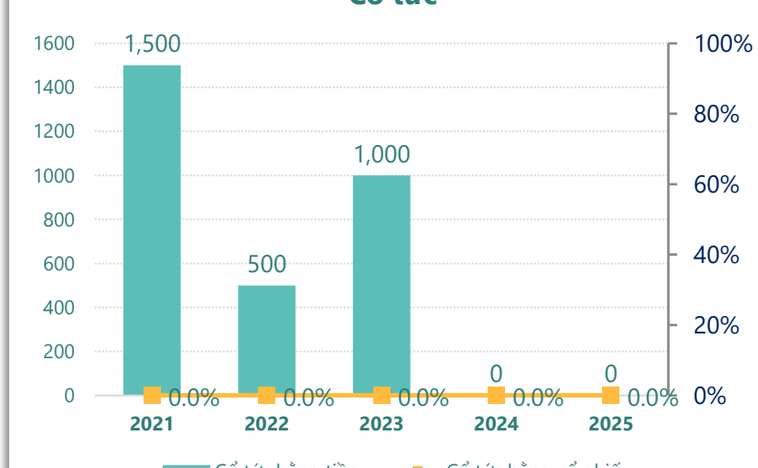
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

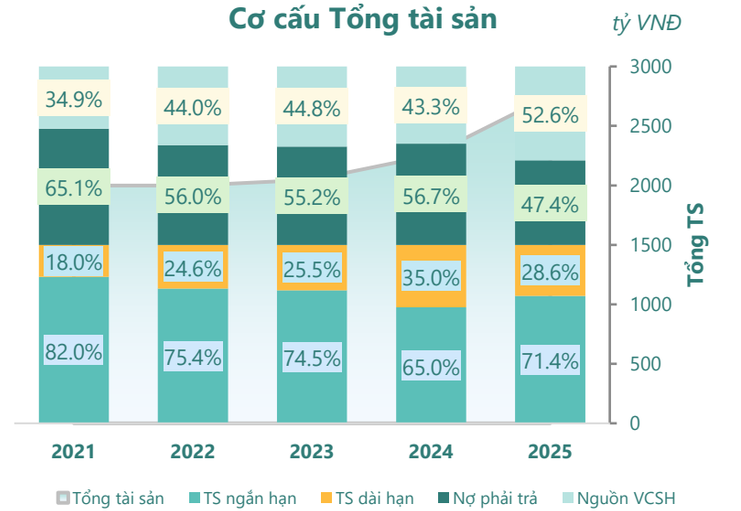
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

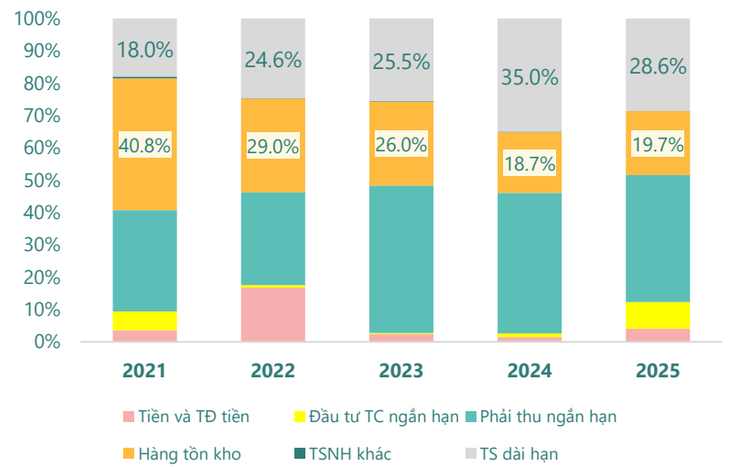
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



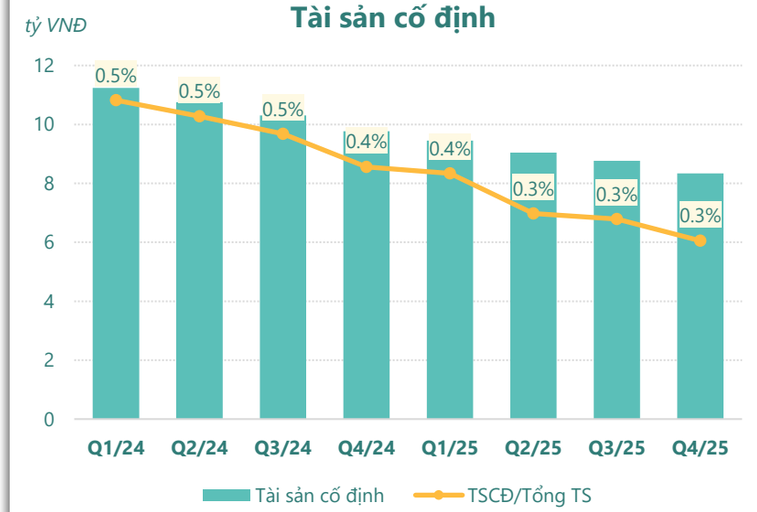
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



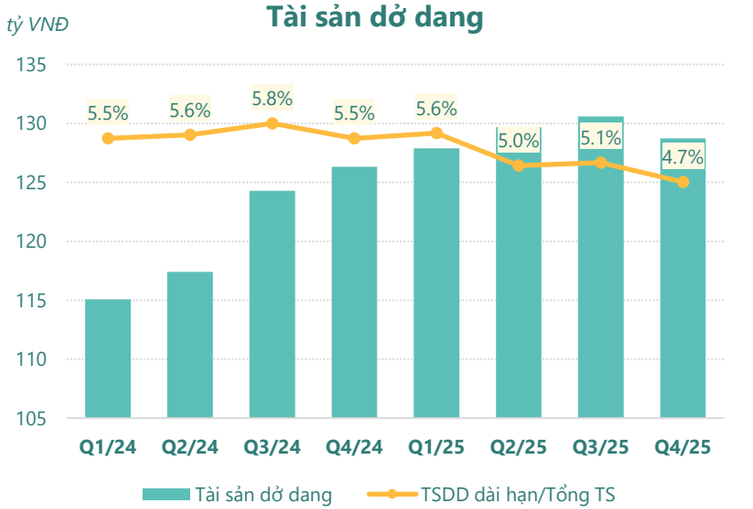
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



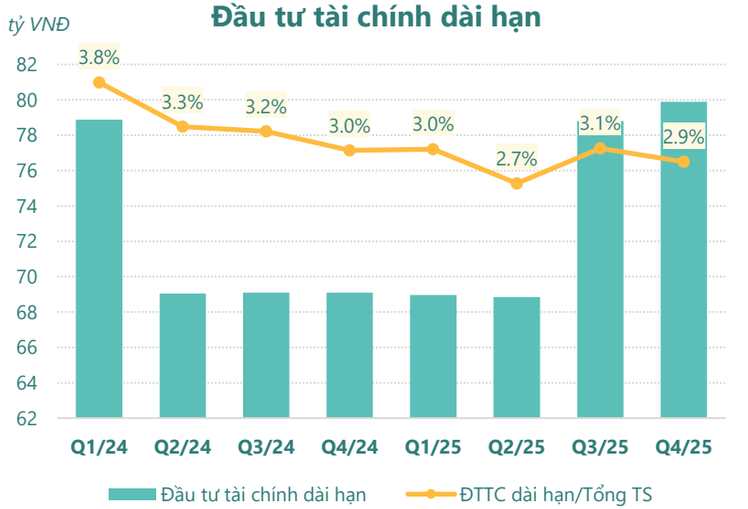
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



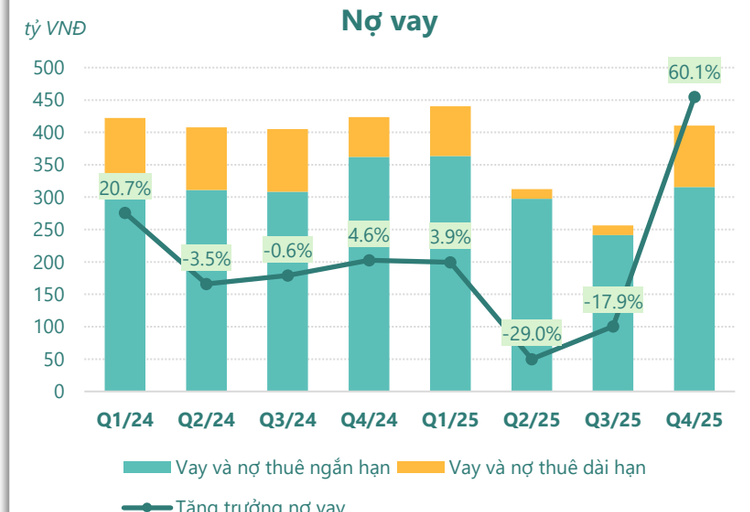
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

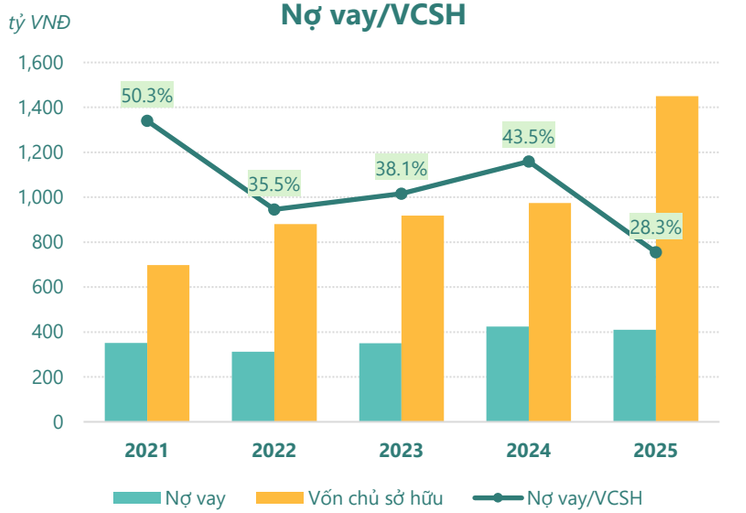
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

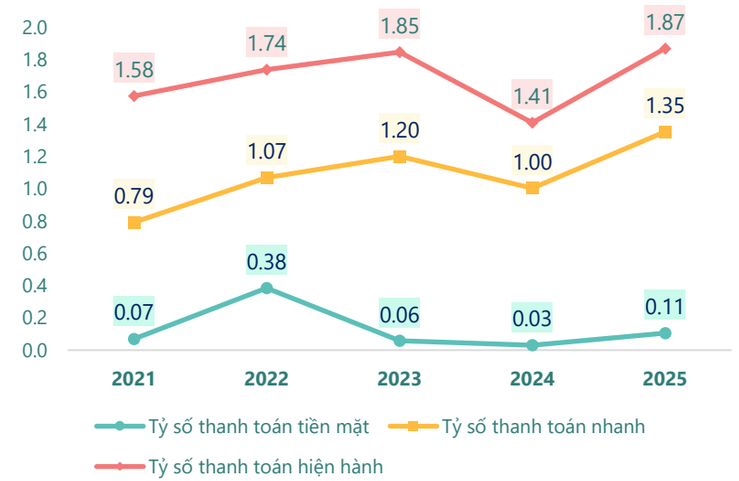
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



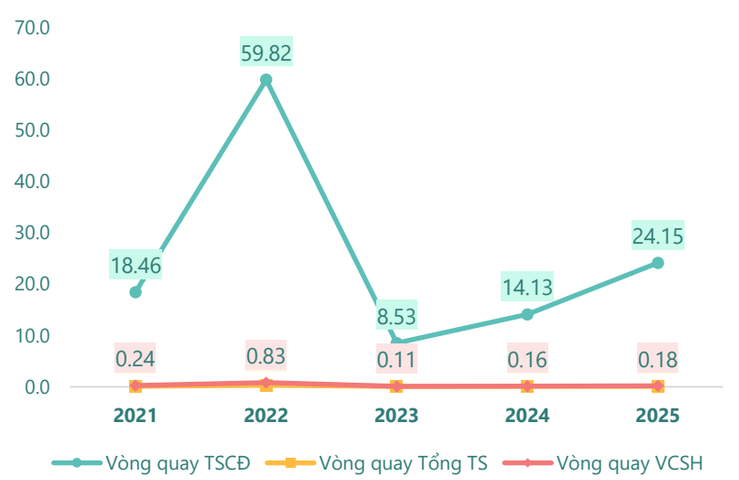
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



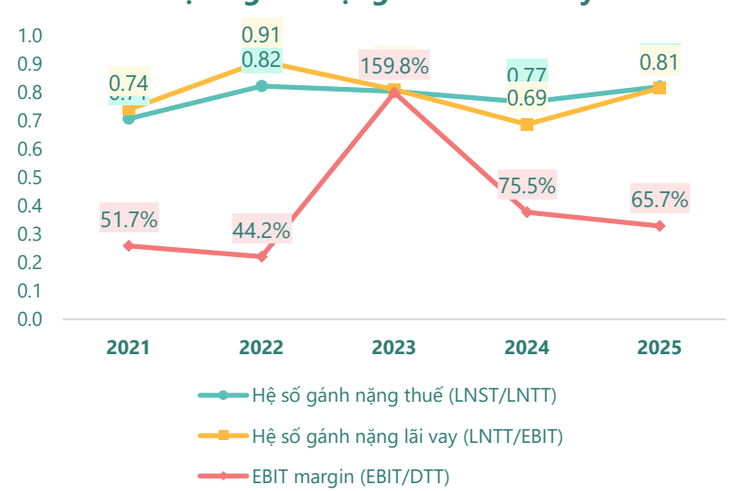
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



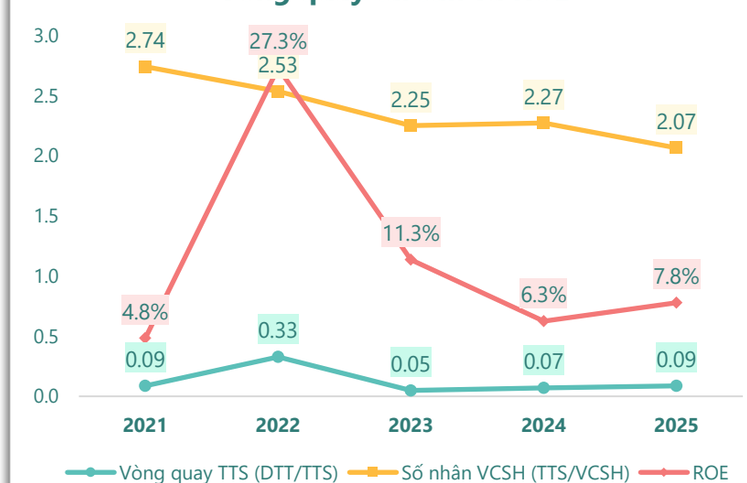
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



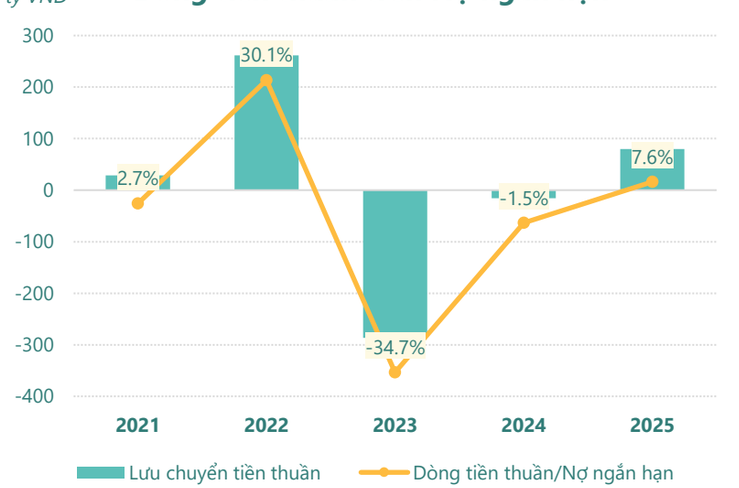
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**36.6**	**33.6**	**9.0%**	**219**	**151**	**44.3%**
Giá vốn hàng bán	10.5	29.6	-64.4%	75.5	76.8	-1.8%
Lợi nhuận gộp	26.1	4.00	552%	143	74.6	91.9%
Doanh thu HĐTC	6.40	3.04	110%	58.4	11.9	389%
Chi phí TC	4.88	9.31	-47.6%	36.2	35.9	0.9%
Chi phí lãi vay	4.88	9.27	-47.3%	26.7	35.8	-25.5%
LN trong công ty LKLD	**1.09**	**-0.01**	**11037%**	**0.79**	**-0.25**	**417%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.01	0.12	-95.5%
Chi phí QLDN	**16.6**	**11.1**	**49.4%**	**46.6**	**54.6**	**-14.7%**
LN thuần từ HĐKD	12.1	-13.4	190%	120	-4.25	2914%
Lợi nhuận khác	**2.14**	**97.0**	**-97.8%**	**-2.72**	**82.8**	**-103%**
LN trước thuế	14.2	83.6	-83.0%	117	78.6	48.8%
Lợi nhuận sau thuế	**12.5**	**64.9**	**-80.7%**	**95.9**	**60.1**	**59.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.5**	**64.7**	**-82.2%**	**94.4**	**59.2**	**59.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.2	-27.4	-17.8	-12.4	-10.3	-79.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.3	15.5	2.03	-259	78.6	-3.56
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.17	15.6	16.6	267	-56.7	154
Tiền đầu kỳ	79.7	27.9	31.6	32.5	28.1	39.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-51.7**	**3.71**	**0.85**	**-4.32**	**11.7**	**71.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.9	31.6	32.5	28.1	39.8	111

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,756**	**2,252**	**22.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,968	1,463	34.5%
Tiền và tương đương tiền	111	31.6	252%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	228	27.1	740%
Phải thu ngắn hạn	1,082	980	10.4%
Hàng tồn kho	544	421	29.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.94	3.11	-5.7%
Tài sản dài hạn	**788**	**789**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	453	454	-0.3%
Tài sản cố định	8.34	9.77	-14.6%
Bất động sản đầu tư	107	118	-9.8%
Tài sản dở dang	129	126	1.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	79.9	69.1	15.6%
Tài sản dài hạn khác	**11.6**	**11.9**	**-2.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,305	1,278	2.2%
Nợ ngắn hạn	**1,052**	**1,038**	**1.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	315	347	-9.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	7.61	138%
Nợ dài hạn	253	240	5.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	95.0	76.6	24.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,450**	**975**	**48.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,450**	**975**	**48.8%**
Vốn điều lệ	699	600	16.5%
Kinh phí và quỹ khác	**0.18**	**0.18**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)